

Chiến Tranh Lào Việt

Nước Lào là một nước láng giềng của Việt Nam, hai nước này có biên giới chung dài khoảng 2.340km. Thời Pháp đô hộ ba nước Việt Miên Lào được biết là xứ Đông Pháp hay liên bang Đông Dương. Xứ Lào có nhiều cao nguyên và núi non nhưng không có biển. Phía tây tiếp giáp với Thái Lan cách nhau bởi sông Cửu Long và phía nam là xứ Campuchia.

Lịch sử thành lập xứ Lào không được minh định rõ ràng. Các nhà khảo cổ học cho khoảng 5000 năm trước đã có nhiều tộc người cư trú ở vùng cao nguyên miền bắc nước Lào gọi là Lao Theung (Lào trên cao) là cư dân bản địa đầu tiên.[1]

Người Lào hiện nay, là một nhánh của các dân tộc dùng ngôn ngữ Tai-Kadai. Hệ ngôn ngữ có nguồn gốc từ nam Trung Quốc, gồm người Lào, Thái, Sán Chay ở đông bắc Miến Điện, Choang ở Quảng Tây và người Thổ, Nùng ở vùng núi Việt Nam. Dân Lào chia ra 3 nhóm là: Lào Lùm "người Lào vùng thấp" chiếm khoảng 68% dân số với 3,6 triệu người, Lao Theung "Lào trung du", gồm các dân tộc khác nhau trong đó chủ yếu là các dân tộc nói tiếng thuộc ngữ hệ Nam Á. Năm 1993, Lào Thương chiếm khoảng 24% dân số, Lào Sùng là tên chỉ chung những người Lào thuộc các sắc tộc thiểu số sống ở vùng núi cao.

Lào còn được gọi là nước Vạn Tượng (triệu voi), ngôn ngữ là tiếng Lào. trước đây Lào còn có tên là Ai Lao hay Lão Qua.

Sách Vân đài loại ngữ của Lê Quý Đôn chép: Lào là một nước giàu sản, có tê, voi, sáp trắng, vải lông, chiêng đồng, "Phá Lào dệt bằng các sợi ngũ sắc sặc sỡ, rất tốt, còn thứ vải không có hoa, màu cũng tốt"...

Sách Cương mục chép về Ai Lao như sau: *Theo sách Hậu Hán thư, người Di Ai Lao gốc tính trước ở Lao Sơn, sau dần sinh nở mãi, mới chia đặt ra các tiểu vương, thường hay ở rải rác những nơi khe núi. Theo sách Thái Bình hoàn vũ ký, của Nhạc Sử nhà Tống: "Nước Ai Lao, khoảng giữa niên hiệu Hán Vĩnh Bình (58-75), thuộc trong khu vực nhà Hán. Nhà Hán lấy đất của họ đặt ra hai huyện Ai Lao và Bác Nam, hợp lại làm quận Vĩnh Xương. Sách ấy chưa tức là quận Vân Nam bây giờ. Nước Lào phía tây thông với Đại Tần, phía nam thông với Giao Chỉ. Theo sách Điền tái ký của Dương Thận nhà Minh, đất Điền trước kia ở về miền rừng núi Ai Lao thuộc Vĩnh Xương, tộc loại mỗi ngày một sinh nở nhiều, dòng giống tràn lan, cắt giữ từng vùng chia làm 99 bộ. Họ có sáu người tù trưởng, đều gọi là Chiếu. Đến đời Đường, họ Mông mới xưng là nước Nam Chiếu. Theo sách Quảng dư ký của Thái Phương Bính nhà Minh, Vĩnh Xương quân dân phủ thuộc Vân Nam trước là nước Ai Lao. Sau năm Khai Nguyên (713-741) đời Đường, mới bị nước Nam Chiếu chiếm giữ. Đến đời Tống, bị họ Đoàn, họ Cao chiếm giữ. Nhà Nguyên khai thác Vân Nam, lập ra Kim Xi tuyên phủ ti. Nhà Minh đổi đặt Vĩnh Xương quân dân chỉ huy sứ. Trong sách Dư địa chí, của Nguyễn Trãi nhà Lê, có chua rằng: "Bộ lạc Ai Lao nhiều lắm, đâu đâu cũng có, đều gọi là Lào". Hợp các sách lại mà khảo cứu, thì Ai Lao này thuộc Vân Nam. Chỉ vì loài giống họ nhiều lắm, họ ở rải rác các nơi khe núi, nên các dân tộc ở ven biên giới nước ta, như là Lão Qua, Vạn Tượng cho đến cả các man ở Trấn Ninh, Trấn Man và Lạc Biên, tục đều gọi là Lao cả. [2]*

Trong những thế kỷ đầu công nguyên, miền nam Lào bị Chiêm Thành đô hộ, sau đó bị đế quốc Khmer cai trị từ thế kỷ thứ IX đến XI từ nam Lào cho đến Vạn tượng (Vientiane). Người Khmer và Chiêm Thành theo Ấn giáo nhưng dân Lào vẫn giữ đạo Phật. Vào thế kỷ XI, xứ Lào có 3 nhóm cư dân chính là người Thái ở phía Bắc, người Khmer ở phía nam với dân bản địa là người Lao Theung. Việc bang giao sôi động giữa Thái và Khmer có nhiều dấu ấn trong lịch sử Lào.

Đến thế kỷ XI, người Thái đã đến cư trú ở miền Bắc nước Lào. Họ tổ chức thành bộ lạc hiếu chiến, xâm lược và dưới áp lực của Trung Hoa, người Thái di cư về Điện Biên Phủ và các thung lũng Nam Ou, Nam Suong. Với sự tiếp cận với nền văn minh Khmer, họ dần dần theo đạo Phật và truyền bá văn hóa cùng chữ viết trong các vùng mà họ cai trị, dân Lao Theung bị đẩy về các vùng hẻo lánh mà họ chiếm đa số cư dân ở Lào và ở miền Bắc Thái Lan ngày nay.

Vào khoảng thế kỷ XII- XIII, trong các sắc tộc Thái đó có một tộc Lào tự lập một tiểu quốc ở ngã ba sông Khan, quốc hiệu là Mương Xua, kinh đô là Xiêng Đông- Xiêng Thong (nay là Luang Prabang), một tộc khác là Lao Phươn lập quốc ở đồng bằng Xiêng Khoang, cả hai nước này bị đế quốc Angkor đô hộ.

Theo sử yếu Lan Xang, Khún Lo là nhà vua Lào đầu tiên cha truyền con nối, truyền được 14 đời và triều đại dài được 500 năm. Ông đã chinh phục vùng Luang Prabang của dân bản xứ Lào khác vào thế kỷ thứ XII. Khún Lo lên ngôi vua vào lúc 23 tuổi (757 dương lịch) tại Xiêng Đông- Xiêng thong tức Mương Xoa. Dưới triều đại Khún Lo, nhân dân Lan Xang đã xây dựng được một đất nước vô cùng giàu đẹp: “Mương Xoa Lan Xang rộng và nặng, trong lòng đất có chứa nhiều vàng, bạc, sắt, trên mặt đất đầy đầy những cây cối hoa thơm, ở đây có bảy loại ngọc quý”.

Vào thế kỷ XI-XIII, trong các thung lũng sông Mê Kông tại miền bắc Lào đã có những tiểu quốc như Mương Xinh, Mương Xay, Mương Hun... tại miền trung lưu sông Mê Kông có một số tiểu quốc lớn hơn như Mương Xoa, Mương Cam kết, Bát Xắc... đa số các tiểu quốc này đều bị lệ thuộc vào Chân Lạp.

Vào thế kỷ XIII khi quân Nguyên của Hốt Tất Liệt chiếm miền Nam Trung Hoa. Người Thái và người Lào đã dần dần chiếm cứ đất của các bộ lạc thổ dân người Kha, (nô lệ) cư trú từ thế kỷ V, dưới quyền cai trị của đế quốc Khmer.

Luang Prabang, Vientiane, Savannakhet, trở thành những trung tâm riêng biệt tượng trưng của Lào-Lum. Năm 1253 quân Mông Cổ do Kublai Khan chỉ huy xâm chiếm nước Lào, tiến về hạ lưu sông Cửu Long để tấn công vương quốc Khmer. Vương quốc Lan Nā, đóng đô ở Chiêng Mai gồm cả những đặc trưng Xiêm và Lào cũng được thành lập vào khoảng thời gian này.

Khoảng cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV, Rama Khamheng đã mở rộng biên giới của nước Sukhōthai và xây dựng một quốc gia hùng mạnh. Năm 1351 có một nước khác phát triển là Ayuthaya trở thành đối thủ của Sukhōthai, sau đó Ayuthaya đã thắng được Sukhōthai. Vào suốt thế kỷ XIV nước Ayuthaya đã bành trướng chiếm và gây chiến tranh với nhiều quốc gia lân cận như: Mã Lai, Khmer, Sukhōthai và Xiêng Mai.

Vào thế kỷ XIV, hoàng tử Lào Fa Ngum, là con út của Chao Phi Fa, sinh năm 1316 và sống lưu vong ở Angkor. Nhờ sự giúp đỡ của đế quốc Angkor, Fa Ngum về nước, đánh chiếm các hầu quốc khác như Champassak (Nam Lào ngày nay), lần lần lên Xiêng Khoang và cuối cùng vào năm 1353, Fa Ngum tiến quân vào kinh đô

Xiêng Thong, chấm dứt triều Mương Xua. Fa Ngum lên làm vua, lấy tượng Phật Prabang (bằng đồng, nặng 434 kg) đem về từ Angkor làm bảo vật trấn quốc và đổi tên nước thành Lan Xang (Vạn Tượng), đổi Xiêng Thong thành Luang Prabang.

Vua chiếm vùng Khorat, và chống lại người Thái Ayutthaya, Sukhothai. Ông tổ chức quân đội và đặt ra nền hành chính vững chắc với những chức như Chao Mương (tổng trấn), Chao Khoéng (tỉnh trưởng)...

Fa Ngum bị triều đình lật đổ vào năm 1373, lập con ông là Oun Hươn Samsenthay lên kế vị. Vua Fa Ngum mất tại Mương Nan năm 1373 Phật giáo tiểu thừa (Theravada) phát khởi năm 1356 ở Lào. Theo văn kiện lịch sử Lào, Khun Bu Lôm là thánh tổ dân tộc Lào, Fa Ngum là người thành lập Xứ Lan Xang.

Chao Oun Hươn được gọi là Samsenthay vì, năm 1376, ông là người đầu tiên làm kiểm tra dân số Lào được ba trăm ngàn Dân .

Sau Samsenthay , con là Lan Khamđeng kế vị, xứ Lào bị xáo trộn, nội loạn lâu dài và là nguyên nhân của một nước Lào chia cắt, suy yếu cho tới ngày nay.

Từ năm 1373 đến cuối thế kỷ XVI, nước Lào trải qua nhiều biến loạn : Năm 1527 vua Phothisarath, con vua Visounnarath, vốn mộ đạo Phật, ra pháp lệnh cấm tín ngưỡng đa thần giáo và niềm tin vào Phí (ma quỷ) của các bộ tộc miền núi, gây ra xung đột dữ dội ; nội chiến giữa các vương hầu, ngoại xâm từ Miến Điện, Việt Nam, Trung Hoa. [3]

Sử cũ Việt nam chép về quan hệ Việt-Lào như sau: *Trước kia, Lý Bôn lánh vào ở động Khuất Lạo, anh ruột Lý Bôn là Thiên Bảo cùng với một viên tướng người cùng họ là Lý Phật Tử rút vào Cửu Chân. Bá Tiên đuổi đánh, quân Thiên Bảo bị thua, mới thu thập quân còn lại chạy sang vùng người Di, Lạo ở biên giới Ai Lao. Thiên Bảo thấy động Dã Năng ở đầu nguồn sông Đào Giang là chỗ đất bằng phẳng và màu mỡ, bèn đắp thành ở đấy; nhân tên đất đặt hiệu nước, được dân chúng tôn làm chúa, xưng là Đào Lang vương.Được người Lào giúp đỡ. Ông lập căn cứ chống nhà Lương năm 550. [4]*

Năm 1067,thời nhà Lý, các sứ giả Lào mang vàng, bạc, trầm hương, ngà voi, sừng tê và nhiều đặc sản quý giá khác sang Đại Việt triều cống.

Nhưng đến thời nhà Trần ,Ai Lao đã nhiều lần sang đánh Đại Việt. Sách Cương mục ghi lại :

Năm 1290-Nhà vua (Trần Nhân Tông) tự làm tướng đi đánh Ai Lao. Bầy tôi can rằng: Giặc Nguyên mới rút lui, vết thương chưa hàn gắp được, không nên gây việc binh đao. Nhà vua nói: "Chỉ có thể nhân lúc này mà khởi binh thôi, vì sau khi giặc rút lui, các nước bên cạnh tất bảo là quân mã nước ta mỗi một, có ý coi thường, cho nên cần phải khởi đại binh để ra oai với nước khác". Bầy tôi đều nói: "Thánh nhân lo xa như thế, bọn chúng tôi không thể nào nghĩ thấu được.

Năm 1294 Thượng hoàng Trần Nhân tông tự làm tướng đi đánh nước Ai Lao. Trung Thành vương đem quân đi tiên phong bị giặc vây hãm, gặp khi ấy Phạm Ngũ Lão chợt đem quân đến, hai bên giáp lại đánh, giải được vòng vây, liền tung quân ra đón đánh tan được quân giặc, bắt được người và súc vật rất nhiều. Khi đem quân về, nhà vua ban cho Ngũ Lão được kim phù.

Năm 1297 Nước Ai Lao đem quân xâm phạm, chiếm giữ sông Chàng Long, nhà vua sai Phạm Ngũ Lão kéo quân đến đánh úp, quân Ai Lao bị thua chạy. Tin thắng trận báo về triều, nhà vua ban cho Ngũ Lão được vinh phù .

Tháng 3 năm 1301 Ai Lao sang cướp Đà Giang, sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, gặp quân giặc ở Mường Mai (nay là châu Mai, tỉnh Hưng Hóa), giao chiến, bắt được rất nhiều. Phạm Ngũ Lão làm Thân vệ đại tướng quân, ban cho quy phù.

Khi nhà Hồ soán ngôi, các quần thần nhà Trần đã chạy sang đất Lào để lánh nạn và chờ cơ hội phục hưng. Trong thời gian đó, nhân dân các bộ tộc Lào đã cưu mang và che chở cho họ.

Năm 1353, vua Fa Ngum thắng các mường Lào và thành lập quốc gia Lan Xang. Việc bang giao Việt-Lào được cải thiện, nhất là giai đoạn nhà Minh xâm chiếm Đại Việt. Năm 1418, Lê Lợi khi khởi nghĩa Lam Sơn, đã liên lạc với vua Lào để mua voi, lương thực, vũ khí, lập căn cứ đất Lào để huấn luyện nghĩa quân. Trong thời chiến đấu này, nghĩa quân Lam Sơn và quân dân Lào đã liên kết chặt chẽ để chống quân Minh.

Năm 1467, vua Lê Thánh tông sai Hành tống binh Khuất Đà đem quân đi đánh Ai Lao. Trước đây Ai Lao chiếm động Cư Lộng, lấn cướp ngoài biên. Tới đây, quan giữ biên giới đem việc ấy tâu lên. Vua sai Khuất Đà đem hơn 1.000 quân đi đánh. Lấy Đông tống binh vệ Định huân là Nguyễn Động làm phó và Nghiên Nhân Thọ làm Tán lý quân vụ, hợp với quân đồn trú trấn Gia Hưng mà đánh. Vua bảo Nhân Thọ rằng: "Người và Khuất Đà được phép tự tiện làm việc". Nhân Thọ tới chỗ lưu thủ .Đông Kinh là Thái bảo Lê Niệm xin viện binh ở Vũ khố mà đi.

Tống quân Khuất Đà cùng Thông chính ty tả thừa Nghiên Nhân Thọ chiêu dụ được bọn giặc Ai Lao là Đạo Đồng ra hàng rồi đem quân về. Trước đó, quan quân đến Mộc Châu phủ Gia Hưng, lấy 300 thổ binh đến thẳng sách Câu Lộng ở Mã Giang đóng quân nửa tháng. Khuất Đà chia sai Tổng tri vệ Gia Hưng Lê Miển đem quân vệ mình đến Khâu Chúc, hợp với thổ quân của hai châu Việt và Mỗi để ngăn chặn đường hiểm yếu. Bọn giặc nghe tin vỡ chạy. Bọn Đạo Đồng đến cửa doanh đầu hàng. Bọn Đà đem quân trở về. Trong chiến dịch này, cả đi lẫn về chỉ có 18 ngày, hành quân tới đâu, hàng ngũ nghiêm chỉnh, đến gà chó cũng không bị kinh động...

Năm 1471, Ai Lao sai sứ sang châu. Thổ quan phủ Trấn Ninh là Cầm Công sai đầu mục sang triều cống.

Năm 1478 có tù-trưởng xứ Bồn-man là Cầm Công có ý làm phản, xui người Lão-qua ,là đất thượng Lào ở về phía tây Bắc-Việt nay là Luang Prabang còn gọi là nước Nam-chương, đem binh quấy- nhiễu ở miền tây nước ta. Tiểu quốc Bồn Man từ lâu vốn là nội thuộc của Đại Việt bỗng trở mặt quay sang thần phục Lan Xang , đem quân cướp phá vùng Nghệ An. Tháng 9, vua hạ chiếu đi đánh nước Lão Qua

Đại Việt sử ký toàn thư ghi lại chiếu của vua có đoạn:“Giặc Bồn Man Cầm Công ở lẫn ngoài cõi xa xăm. Thánh tổ ta lượng như biển cả bao dung, như mùa xuân nuôi dưỡng...thế mà nó dạ muông thú không chịu đổi thay, tính dã man khó bề

thuần hóa. Lừng khùng như loài lợn ốm gầy, điên đảo tựa một phường đối trá. Bỏ chức phiên thần mà lười dăng lễ cống; mang lòng lừa trời mà làm nhục sử thần. Mưu việc chẳng lành, làm sao nên được!...Đặc sai Thái úy Sùng quận công Lê Thọ Vực, Đoan Vũ hầu Trịnh Công Lộ, Diên Hà bá Lê Hy Cát đeo ấn tướng quân, trao cho 20 vạn quân tinh nhuệ, hẹn đến tháng 8 năm nay, chia đường tiến quân, kể tội đến đánh. Tập hợp binh sĩ như hồ như beo; gióng trống hành quân thẳng sào huyết giặc. Để dân cõi xa được chặn chiếu ấm êm, khiến đảng hung ác phải kinh nghệ phan xác.. "

Vua xuống chiếu thân hành đi đánh nước Ai Lao. Chiếu vua viết:
...nước Lão Qua kia, giáp giới cõi tây. Đường khi Thánh Tổ dẹp giặc Ngô cuồng bạo, đã nhòm sơ hở đánh úp quân ta, đến lúc Thần Vũ giết tên Nghiễm hung tàn, lại giúp kẻ gian dấy binh đánh chiếm...Thuận Bình, Sa Bôi do vậy rối ren; Lâm An, Quy Hợp bị chúng giày xéo. Thang Thượng, Thang Hạ là biên ấp của ta, nó cướp đoạt hoành hành; Đạo Luận, Đạo Xa, tên thổ tù phản ta, nó kêu gọi, chứa chấp. Sứ của nó sang thông, thì ta hậu đãi cho về, quan của ta giao thiệp, nó lại bắt giữ bỏ ngục...Đến nước tên Cầm Công trong khi ẩn nấu, nó đã giúp đỡ bao che và lúc tên Cầm Công trở mặt cắn càn, nó lại cho quân tiếp sức. Xâu xé bờ cõi ta, chiếm lẫn đất đai ta. Kinh nhờn tự phụ, lừa dối làm càn. Đây đâu chỉ là mối lo một thời nơi cương giới, mà thực là mối thù muôn kiếp của nước nhà.

Nhà vua sai tướng thân đem 18 vạn quân, chia làm 5 đường đi đánh Ai Lao, Bồn Man và Lão Qua. Chinh Tây tướng quân Lê Thọ Vực là tiên phong, đi đường chính chỉ huy các quân các doanh du kích, trước hãy giết tên cháu hiếu của giặc Bồn Man để chặt vây cánh nó, rồi chiếm ngay đất hiểm yếu là xứ Trấn Ninh mà đánh vào lòng giặc. Chinh Di tướng quân Trịnh Công Lộ chỉ huy các doanh quân thổ binh từ đường An Tây tiến vào để chiếm giữ mạn thượng lưu. Trấn Lỗ tướng quân Lê Đình Ngạn chỉ huy các doanh quân hoành dã từ đường Ngọc Ma đánh tới để cắt ngăn đường giặc chạy. Du kỵ phó tướng quân là bọn Lê Lộ đi đường châu Thuận Mỗi để bóp cổ chẹn lưng. Thảo tặc phó tướng quân là bọn Lê Nhân Hiếu theo lối phủ Thanh Đô để đánh chỗ sơ hở. Phò mã đô úy Đông quân đô đốc phủ chưởng phủ sự Đoan Vũ hầu Trịnh Công Lộ làm Chinh Di tướng quân, đeo ấn tướng quân. Đô đốc đồng tri Lê Vĩnh làm Chinh Di phó tướng quân và Tổng bình đồng tri là bọn Nguyễn Lộ dẫn quân kiên dũng các vệ Minh Nghị, Quảng Vũ, Ngọc Kiềm, Anh Đức, Phấn Uy thuộc Đông quân, gồm 2.000 người, theo đường An Tây tiến đánh Ai Lao

Quân Đại Việt phá tan giặc và đánh tới tận kinh đô Luang Prabang, tịch thu nhiều của cải châu báu, vua Lan Xang phải bỏ chạy sang nước Lan Na. Quân Đại Việt đuổi theo truy kích đến tận Lan Na tại lưu vực sông Irrawady (biên giới Miến Điện), rồi tiến đánh luôn 2 quốc gia Lan Na và Ayutthaya. Vua Lê Thánh-Tông cho gửi quốc thư đe dọa đến quốc vương của nước Ava và yêu cầu tiến cống: "Năm đạo quân cùng hợp đồng đánh Ai Lao, phá tan bọn chúng, vào thành Lão Qua, tịch thu của cải châu báu. Quốc vương nước ấy chạy trốn. Ta bắt sống dân chúng, chiếm lấy đất đai, đến tận sông Trường Sa, giáp biên giới phía nam nước Miến Điện, nhận được thư của nước Miến Điện, thẳng trận trở về." .

Quân Việt vào thành Lão Qua, lấy được của báu. Vua Lão Qua phải chạy trốn. Các tướng bắt dân nước ấy và chiếm đất đai nước ấy đến sông Kim Sa giáp giới phía nam nước Miến Điện, rồi cho người đem tiệp thư về tâu nhà vua biết.

Cầm Công ở Bồn Man nương dựa Lão Qua làm ngoại viện làm phản, đánh đuổi các viên lưu quan, chiếm cứ riêng đất ấy để chống lại quan quân; đến lúc các tướng đánh phá được Lão Qua, cho người đưa thư báo tin thắng trận. Cầm Công lại ngăn chặn, làm cho tiếp thư thông báo về kinh được. Bởi thế, nhà vua hạ chiếu thân hành đi đánh, quân nhà vua tiến đóng tại Phù Liệt, bèn sai Trần Bảo, phó đoàn sư vệ Cầm Y, và Phạm Nhân Kính, đô chỉ huy thêm sự, điều động cung cấp quân lương, lại dụ bảo Lê Thọ Vực các tướng: "Công trạng đánh phá Lão Qua như thế nào thì giao cho Trần Bảo đệ về tâu nộp". Tháng 11, xa giá đến Thâu Bồ đóng ngự doanh 4 ngày rồi trở về, sai tướng quân Kỳ quận công Lê Niệm thống lĩnh 30 vạn quân, tiến đánh, phá tan được. Cầm Công bỏ chạy, bị chết. Tướng sĩ đốt thành của Bồn Man và thiêu hủy kho tàng tích trữ. Bồn Man xin hàng. Nhà vua bèn phong người họ Cầm tên là Cầm Đông làm tuyên úy đại sứ, lại đặt các thổ quan để chia nhau cai trị. Ngô Sĩ Liên chép xứ Bồn Man dân khoảng 9 vạn hộ, sau chiến tranh chỉ còn lại có 2000 người.

Trong cuộc chiến tranh này có hơn 20 vạn dân Lan Xang bị chết, Đại Việt tổn thất 5 vạn (theo Minh thực lục), hàng vạn quân dân Bồn Man bị giết. 2 quốc gia này bị tàn phá nặng nề. Riêng Bồn Man bị lệ thuộc vào Đại Việt tới hơn 400 năm sau, còn Lan Xang phải liên minh với người Thái để chống lại. Năm 1485, Đại Việt được thêm Melaka (nay thuộc Malaysia) làm chư hầu phải triều cống Đại Việt, cùng với Chiêm Thành, Chân Lạp, Lan Xang, Chiang Mai, Ayutthaya và Java (nay thuộc Indonesia).

Lời chua-Trần Ninh: Đất Bồn Man xưa, hồi đầu triều Lê, họ Cầm nổi nhau làm phụ đạo; đến Lê Thánh Tông chia đất này lập ra làm phủ Trấn Ninh, quản lãnh 7 huyện: Kim Sơn, Thanh Vị, Cảnh Thuận, Quang Minh, Minh Quảng, Quang Lang và Tư Thuận, cho họ Cầm nối đời làm tù trưởng. Cuối năm Vĩnh Hựu (niên hiệu Lê Ý Tông 1735-1739), Lê Duy Mật chiếm cứ, đến năm Cảnh Hưng thứ 31 (1770) mới dẹp yên được, lại cho họ Cầm được nối đời quản trị.

Trần Trọng Kim trong VN Sử Lược viết:...*Mạc Đăng Dung làm sự thoán đoạt (cướp ngôi nhà Lê năm 1527) thì các quan cựu thần trốn tránh đi cũng nhiều. Thuở ấy có người con ông Nguyễn Hoảng Dụ tên là Nguyễn Kim hay Nguyễn Hoảng Kim làm quan Hữu Vệ Điện Tiền Tướng Quân An Thành Hầu trốn sang Lào. Vua nước ấy là Xạ Đẩu (tức Phothisarath, trị vì từ 1520 -1547) cho đến ở xứ Sầm Châu (tức Trấn Man Phủ, Thanh Hoá). Ông Nguyễn Kim đến Sầm Châu rồi cho người đi tìm con cháu nhà Lê để đỡ sự khôi phục. Đến năm Quý Tị (1532) tìm được một người con rể vua Chiêu Tông tên là Duy Ninh, lập lên làm vua, tức là Trang Tông. Nhờ đó vua Trang Tông và Nguyễn Kim chiếm lại được Thanh Hoá, Nghệ an (1542) và đất Tây Đô vào năm 1543 ...[5]*

Năm 1563, vì lý do địa lý chính trị đối với các vương hầu phía Nam và để tránh sự dòm ngó đặc biệt của Miến Điện, vua Setthathirat dời đô từ Luang Prabang xuống Vientiane (Vạn tượng), và mang theo tượng Phật bằng ngọc bích Phra Keo, cho xây ngôi chùa (Vat) Phra Keo để an vị tượng Phật đó, đồng thời dựng đại tháp That Luang lưu giữ xá lợi của Đức Phật.

Năm 1564, vua Lan Xang đã cử người mang tặng phẩm và bốn thớt voi sang xin cầu hôn công chúa vua Lê. Nhà vua đã đồng ý và sai quan thái sử đem con gái

nuôi tên là Ngọc Hoa gả cho vua Lào để tỏ sự hòa hiếu. Từ mối nhân duyên này quan hệ hai nước càng thân thiện hơn trước.

Vua Setthathirat băng hà trong một cuộc thân chinh dẹp loạn ” Khạ ” ở phía Nam (1571), mở đầu thời kỳ hỗn loạn vô chính phủ của nước Lào mãi đến tiền bán thế kỷ XVII mới được tái lập sự ổn định dưới triều vua Sourigna Vongsa.

Sourigna Vongsa là vị vua hiền, trị vì hơn 50 năm (1637-1694), ông đã thống nhất và giữ được sự ổn định trong nước Lan Xang lâu nhất. Ông mở đầu sự bang giao với Âu Châu : Người Hoà Lan đầu tiên đến xứ Lán Xang, năm 1641, là ông Gerrit Van Wusthof, sứ thần của toàn quyền thuộc địa của Java (thuộc Hoà Lan). Dưới triều đại ông, Vientiane là trung tâm Phật giáo nơi sứ sai các nước Khmer, Phù Nam hay Xiêm (Thái Lan) đến tu học. Ông đã ký kết với Đại Việt một hiệp ước phân định dân số như sau : *Gia đình nào ở nhà sàn, có mái hiên sẽ được coi như là thần dân của Vientiane ; gia đình nào ở nhà trệt, không có hiên sẽ thuộc Việt Nam* (thời Trịnh - Nguyễn phân tranh).

Sau đời vua Sourigna Vongsa , nước Lào lại bị chia ra làm ba vương triều : Luang Prabang, Vientiane và Champassak, có nhiều loạn lạc, chiến tranh nên các Chúa Nguyễn can thiệp nhiều lần.

Năm 1715, đời chúa Nguyễn Ai Lao đến cống phẩm vật địa phương. Năm 1731, Mùa hạ, tháng 4, người Ai Lao là Sá Tốt đem quân Chân Lạp vào cướp Gia Định. Sai Thống suất Trương Phước Vĩnh điều khiển binh các đạo đi đánh. Bấy giờ các dinh ở Gia Định đều đặt thủ tướng. Chúa cho rằng việc quân ở nơi biên khốn cần phải có người thống nhiếp, cho nên sai Phước Vĩnh làm việc điều khiển, quan binh các dinh trấn đều thuộc về cả. Lại đặt riêng một nha lý ở phía nam dinh Phiên Trấn gọi là dinh Điều khiển. Chức Điều khiển đặt từ đấy.

Cai cơ Đạt Thành cùng giặc Lào đánh nhau ở sông Lật Giang, không được, bị chết.

Năm 1753 Miến Điện dưới triều vua Alompra xâm lấn, cướp phá Luang Prabang .

Năm 1771, Vientiane bị LuangPrabang (với hậu thuẫn của Xiêm La) đem binh đánh úp, phải cầu viện với Miến Điện : một lần nữa LuangPrabang bị Miến Điện tàn phá. Năm 1778, quân Xiêm xâm chiếm, tàn phá Vientiane, đô hộ Vientiane trong 4 năm. Người Xiêm bắt một số người Lào và đã cướp đoạt nhiều bảo vật, trong đó có tượng Phật Phrakeo của Lào mang về nước.

Từ 1795 đến 1828, nước Lào trở thành một nước chư hầu của Việt Nam. Việc quan hệ của nhà Nguyễn và Vạn Tượng (Lào) đã được xác lập từ trước thời các chúa Nguyễn. Một số nguồn sử liệu về thời kỳ nội chiến giữa nhà Nguyễn và nhà Tây Sơn có ghi rằng vào khoảng giữa thập niên 1790, khi lực lượng quân chúa Nguyễn ngày càng lớn mạnh và đang đánh ra phía Bắc, Lào đã từng tự nguyện mở những trận đánh ở mạn Tây Bắc nước ta để phân tán lực lượng quân Tây Sơn, giúp quân Nguyễn nhẹ tay hơn trong cuộc Bắc tiến .

Năm 1802, khi vua Gia Long lên ngôi, thì mối quan hệ ấy càng được củng cố và mở rộng hơn. Sách Hoàng Việt Long Hưng Chí có viết: “...*Vua Vạn Tượng sai sứ đem quốc thư sang chúc mừng và xin Thế Tổ cho đất Trấn Ninh trả về cho Vạn Tượng. Xứ Trấn Ninh vốn là đất nước Bồn Man thời cổ, vua Lê Thánh Tông thân chinh đi đánh Vạn Tượng, lập phủ Trấn Ninh lệ thuộc vào Nghệ An... Thế Tổ xét Vạn*

Tượng có công giúp thượng đạo, chuẩn cho lời xin ấy. Bèn truyền lệnh cho trấn thành Nghệ An cắt đất Trấn Ninh giao cho người nước Vạn Tượng...”[6]

Năm 1802, quân nhà Nguyễn phá thành phố Vientiane, và dành quyền kiểm soát vùng bắc Lào. Vì thế khi vua Ānuvong ở Vientiane, lên ngôi năm 1804, bắt đầu xây dựng lại sức mạnh đất nước, với sự giúp đỡ của Việt Nam, Bangkok cũng không để ý lắm. Ānuvong xây dựng ngôi chùa Wat Sisakēt tráng lệ để tượng trưng cho sự hồi sinh của Lào. Tới năm 1823 ông tin rằng mình đã đủ sức mạnh để gạt bỏ ách thống trị của người Xiêm. Ông dễ dàng chiếm quyền kiểm soát vùng Vientiane, trong khi các đồng minh chiếm Champāsak. Sau đó quân Lào vượt sông Mê Kông, nhằm giải phóng cao nguyên Khōrāt là nơi các dân tộc nói tiếng Lào sinh sống và tuyên bố độc lập khỏi nước Xiêm. Ānuvong là vị vua Lào đầu tiên gọi sự đoàn kết thống nhất các bộ tộc Lào. Nhưng Vua Luang Phrabāng liên kết với người Xiêm, người Việt Nam không giúp đỡ, và vua Xiêm Rama III huy động quân đội phản công. Năm 1827, quân Lào thua trận chiến quyết định ở phía nam Vientiane. Thành phố bị đốt cháy và dân cư phải di tản. Năm sau đó, Ānuvong bị bắt và chết trong tù tại Bangkok. Vương quốc Vientiane bị tiêu diệt hoàn toàn và trở thành một tỉnh của Xiêm: đây là một sự phát triển mới trong lịch sử Thái, phản ánh sức mạnh ngày càng tăng của các tư tưởng châu Âu.

Nước Nam ta về đời vua Minh Mạng thì to rộng hơn cả, là vì quân Xiêm La cứ hay sang quấy nhiễu cho nên các xứ ở Lào đều xin về nội thuộc nước ta. Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), nước Vạn tượng bị Xiêm La đánh phá, tù trưởng Chiêu Nội đem đất ấy quy phục, mới chia đặt thành 8 huyện là: Khâm, Quảng, Liên, Cát, Khang, Xuy, Liêm, Mộc, phong cho Chiêu Nội làm Phòng Ngự sứ, quản trị công việc ở phủ, còn ở huyện thì đặt chức tri huyện người bản thổ để cai trị; đến năm Minh Mệnh thứ 9 (1826), Chiêu Nội phạm tội, bị giết, triều đình trao cho một viên tri huyện người bản thổ làm phòng ngự đồng trị, quản lý tất cả công việc trong phủ, năm thứ 15 (1838) mới đặt lưu quan làm tri phủ quản lĩnh 8 huyện.

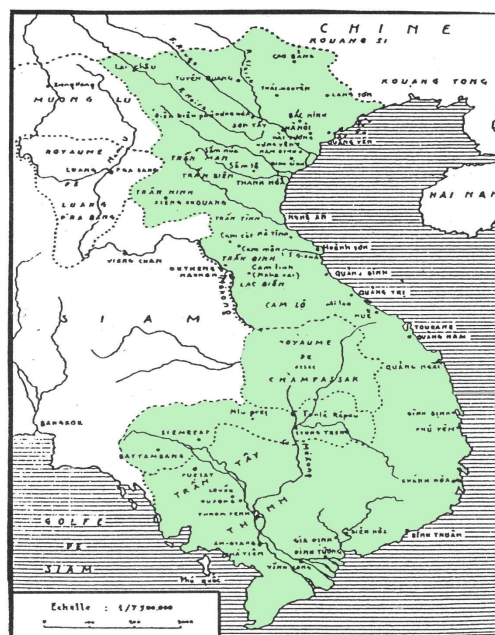
Năm đình hợi (1827), người Nam chưởng (Luang Prabang) thông với Xiêm La, rồi cứ đem quân xuống quấy nhiễu đất Trấn Ninh. Tù trưởng là Chiêu Nội xin đem đất Trấn Ninh về nội thuộc Việt Nam. Vua Minh Mạng phong cho Chiêu Nội làm Trấn Ninh phòng ngự sứ cai quản cả 7 huyện, lại phong cho những thổ mục làm thổ tri huyện và thổ huyện thừa. Chiêu Nội dâng số dân đình và điền thổ, cả thảy được 3.000 suất đình và 28 sớ ruộng.

Lại có đất Tam động và Lạc Phàn (trước thuộc về Vạn Tượng) cũng xin nội thuộc. Triều đình chia những đất ấy ra làm hai phủ là Trấn Tĩnh phủ và Lạc biên phủ. Năm ấy lại có xứ Xa hổ , Sầm Tô (Sam teu), Mường soạn, Mang Lan (Mường Lam), Trình Cố (Xiêng-khô), Sầm nửa (Sam- neua), Mương Duy và ở Ngọc Ma có Cám cát (Kham-keut), Cam Môn và Cam Linh đều xin về nội thuộc. Vua Minh Mạng chia những đất ấy ra làm ba phủ là Trấn Biên, Trấn Định và Trấn Man.

Đại khái là đất Sầm nửa, đất Trấn Ninh, đất Cam môn và đất Savannakhet bây giờ, thừa ấy thuộc về Việt Nam ta cả.



Vương quốc Lan Xang



Đại Nam

Năm 1887 thực dân Pháp đặt nền bảo hộ xứ Lào, phó lãnh sự Pháp tại Luang Prabang là Auguste Pavie, giúp vua Lào là Un Kham dẹp được loạn Cờ Đen trên đất Lào. Rồi nhân trước sự nhiều nhượng của Xiêm La trên đất Lào, Pháp trực tiếp can thiệp chớp nhoáng bằng võ lực, chiếm toàn vùng tả ngạn sông Mê Kông từ Paksane đến Khône, Lao Bảo-Mương Phin, Vinh-Thakhek ; xong còn buộc Xiêm La ký hiệp ước 03/10/1893, nhường cho Pháp mọi quyền lợi trên toàn lãnh địa thuộc tả ngạn Mê Kông, tiếp theo là 2 vùng Bassac (Champassak) và Paklay (U-bôn, Thái Lan ngày nay) bên hữu ngạn vào năm 1902 và 1904 với toàn thể dân Lào ở đó. Từ đó xứ Lào không còn là một thực thể chính trị, ngoài vương triều Luang Prabang khả dĩ còn được phép giữ bề ngoài một quốc gia ... được bảo hộ, các triều khác như Vientiane, Champassak đều bị giải tán, tập trung thành hai vùng: Trung và Hạ Lào, chia thành 10 tỉnh thuộc Liên Bang Đông Dương

Tham khảo

- [1]-Paul le Boulanger-Histoire du Laos Francais,Éd. Plon,1930
- [2]-Khâm định Việt sử thông giám cương mục
- [3]-Lược sử xứ Lào
- [4]-Đại Việt sử ký toàn thư
- [5]- Trần Trọng Kim, Việt nam Sử Lược
- [6]-Ngô Giáp Đậu, Hoàng Việt Long Hưng Chí Nxb Hồng Bàng

Hoạt Nguyễn 2023